TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2021
"V/v ly hôn và yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Đào
2. Ông Nguyễn Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 356/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: "Ly hôn và yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị Xà R, sinh năm 1994 (có mặt);
Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.
Bị đơn: Anh Danh D, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị Xà R trình bày:

Chị Thị Xà R và anh Danh D quen biết nhau trên huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh rồi tự nguyện tìm hiểu nhau được hai tháng thì quyết định kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 11/6/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh D sống bên gia đình anh D và vợ chồng hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp và anh D không chung thủy mà có quan hệ với người phụ nữ khác, không lo cho gia đình nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh D từ tháng 11/2013 đến nay. Trong thời gian 07 năm ly thân, anh D không liên lạc, cũng không gặp chị và con lần nào, chị có đến nhà

anh D tìm thì anh D cũng không có ở nhà. Chị Xà R xét thấy không thể hàn gắn hôn nhân lại được vì chị không còn tình cảm với anh D nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Thời gian chung sống, chị và anh D có một người con chung tên Danh Thanh T, sinh ngày 17/10/2013 do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Xà R xác định không có.

Tại phiên tòa, về hôn nhân, chị Thị Xà R yêu cầu ly hôn với anh Danh D; Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không có nên chị Xà R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Danh D không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh D không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân, chấp nhận cho chị Thị Xà R được ly hôn với anh Danh D; Về con chung, giao con chung tên Danh Thanh T, sinh ngày 17/10/2013 cho chị Xà R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung và nợ chung chị Xà R không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị Xà R khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh D được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Danh D với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị Xà R và anh Danh D xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết

hôn số 48/2012 ngày 11/6/2012, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Xà R xin được ly hôn với anh D vì lý do vợ chồng không hợp nhau, anh D có người phụ nữ khác không chung thủy với chị và đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 11/2013 đến nay. Đối với anh D, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh D đều không có mặt. Tại phiên tòa, chị Xà R khai rõ mâu thuẫn của vợ chồng chị đã không thể hàn gắn vì anh chị đã ly thân 07 năm, không liên lạc và cũng không gặp nhau, hơn nữa, chị cũng không còn tình cảm với anh D nên chị cương quyết ly hôn. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn, anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa chị Xà R và anh D mới phát sinh mâu thuẫn nên không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Xà R.

[3] Về con chung: Chị Xà R xác định chị và anh D có một người con chung tên Danh Thanh T, sinh ngày 17/10/2013 đang sống chung với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Đối với anh D, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh D đều không có mặt cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị Xà R nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh D.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Xà R, HĐXX thấy rằng chị Xà R là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T từ khi vợ chồng ly thân từ tháng 11/2013 đến nay, cháu T vẫn phát triển bình thường về mọi mặt. Đồng thời, cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị Xà R. Nghĩ rằng, cần giao con chung cho chị Xà R tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng với nguyện vọng của cháu T và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Chị Xà R không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Xà R xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Đối với bị đơn anh Danh D đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh D vẫn không có mặt tại Tòa án để cung cấp chứng cứ và lời khai, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định: "Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố

tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung". Do vậy, sau khi thẩm tra, xác minh cho thấy anh D vẫn còn hộ khẩu tại địa phương và Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng chị Thị Xà R phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 180, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Xà R được ly hôn với anh Danh D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Thanh T, sinh ngày 17/10/2013 cho chị Thị Xà R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Danh D không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thị Xà R phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009541, ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị Xà R đã nộp xong án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Danh Thị Kiều Oanh